

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Hà Nội - Tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017 (Trình bày lại)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.396.138.873.021	2.652.085.093.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154.301.987.142	610.572.592.544
1. Tiền	111		117.951.987.142	156.572.592.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.350.000.000	454.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.051.017.764.027	30.262.808.598
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.051.017.764.027	30.262.808.598
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		681.483.919.034	1.920.706.432.189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	134.126.109.962	183.568.019.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.452.419.394	1.286.540.518.899
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.300.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	534.401.490.935	452.465.813.804
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.796.101.257)	(1.867.919.559)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	471.407.297.976	74.362.069.031
1. Hàng tồn kho	141		475.986.517.505	74.362.069.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.579.219.529)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.927.904.842	16.181.190.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	7.203.399.497	831.165.497
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.274.551.862	14.718.449.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.447.688.491	631.575.720
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		2.264.992	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.890.822.259.633	848.564.112.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.027.176.006	39.962.176.006
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.3	4.932.176.006	4.932.176.006
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	95.000.000	30.030.000.000
II. Tài sản cố định	220		533.088.931.832	216.504.600.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	532.459.960.980	216.082.922.789
- Nguyên giá	222		1.393.964.651.480	418.572.479.021
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(861.504.690.500)	(202.489.556.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	628.970.852	421.677.400
- Nguyên giá	228		1.574.469.126	1.215.469.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(945.498.274)	(793.791.726)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.057.432.909	51.070.745.588
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.057.432.909	51.070.745.588
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	541.648.900.349	529.164.584.789
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		285.707.754.923	240.246.498.998
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		257.146.698.951	288.918.085.791
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.205.553.525)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		776.999.818.537	11.862.006.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	36.563.751.305	9.343.471.071
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		256.932.807	-
4. Lợi thế thương mại	269		740.179.134.425	2.518.535.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.286.961.132.654	3.500.649.206.055

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		839.922.256.254	720.949.515.965
I. Nợ ngắn hạn	310		808.513.263.320	609.048.129.175
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	156.401.857.418	80.923.239.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.924.046.550	26.130.253.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	28.934.454.820	17.257.949.136
4. Phải trả người lao động	314		37.675.031.421	9.098.385.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.651.776.256	3.304.186.522
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		552.241.196	130.641.969
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	422.261.188.095	392.592.687.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	69.664.543.032	78.912.818.013
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		889.797.375	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		55.558.327.157	697.967.665
II. Nợ dài hạn	330		31.408.992.934	111.901.386.790
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.878.360.000	6.353.858.907
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.379.840.000	51.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	3.369.074.609	97.369.074.609
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		16.608.327.325	7.954.062.274
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
D. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		3.447.038.876.400	2.779.699.690.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	3.442.539.276.400	2.775.200.090.090
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.076.258.009)	1.128.956.762
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(47.896.865.264)	(47.896.865.264)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.193.190.272	1.197.575.779
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		265.940.525	247.673.549
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.605.485.966	28.263.859.284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.715.042.119	101.464.561.766
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.890.443.847	(73.200.702.482)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		712.405.276.936	47.216.384.006
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.499.600.000	4.499.600.000
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	4.499.600.000
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		4.286.961.132.654	3.500.649.206.055

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

MẪU B 02-DN/HN

Quý III năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	880.995.070.619	133.938.569.395	2.964.719.222.208	1.348.904.578.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		335.593.707	47.507.790	6.137.726.352	49.754.065
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.2	880.659.476.912	133.891.061.605	2.958.581.495.856	1.348.854.824.532
4. Giá vốn hàng bán	11		751.223.470.710	110.999.135.993	2.578.711.837.121	1.290.267.163.854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20	VI.3	129.436.006.202	22.891.925.612	379.869.658.735	58.587.660.678
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.828.489.928	5.221.409.090	87.482.168.428	20.370.134.804
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		1.014.871.745	10.827.556.917	4.158.552.858	17.142.407.831
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.886.351.347	8.616.404.769	5.849.777.770	14.629.095.027
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(773.482.692)	1.027.499.119	(507.312.388)	4.309.396.616
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	65.629.937.892	4.266.196.960	191.001.382.242	12.324.802.425
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	42.292.651.865	11.586.071.779	124.342.732.289	40.113.789.122
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30	VI.6	41.553.551.936	2.461.008.165	147.341.847.386	13.686.192.720
12. Thu nhập khác	31	VI.7	9.905.362.696	1.115.313.353	16.283.370.529	4.064.988.262
13. Chi phí khác	32		7.821.828.092	945.088.852	12.466.472.323	4.709.831.056
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.083.534.604	170.224.501	3.816.898.206	(644.842.794)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.8	43.637.086.540	2.631.232.666	151.158.745.592	13.041.349.926
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.559.928.932	111.785.878	15.770.977.364	3.621.784.891
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		278.667.316	(207.166.652)	1.184.341.457	1.621.947.290
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.9	38.798.490.292	2.726.613.440	134.203.426.771	7.797.617.745
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.331.255.171	2.411.990.855	20.622.458.851	7.768.976.193
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		35.467.235.121	314.622.585	113.580.967.920	28.641.552
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		13	16	82	54

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017



Hoàng Mạnh Cường

TẠ VĂN QUYÊN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

Lâm Thị Thúy Mai

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2017

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	151.158.745.592	13.041.349.926
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	146.877.218.504	17.967.351.239
- Các khoản dự phòng	03	(4.759.029.015)	3.696.381.700
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	(119.105.332)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(82.874.362.141)	(23.877.646.322)
- Chi phí lãi vay	06	3.775.095.270	15.217.359.565
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	214.058.562.877	26.044.796.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	54.700.863.908	407.231.613.423
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(61.963.702.689)	(11.111.917.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(122.106.268.641)	(287.359.705.225)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.996.602.074)	(25.593.832.778)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(2.742.900.400)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.675.883.247)	(10.555.498.088)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.729.984.908)	(9.759.974.515)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	769.117.844	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.011.862.856)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động kinh doanh	20	42.044.240.213	86.152.581.518
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(95.022.625.091)	(11.788.755.740)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	18.023.617.889	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(769.855.935.094)	(47.490.994.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	297.949.296.857	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(58.649.523.522)	(826.076.432.376)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	214.532.546.557	15.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.117.834.490	22.874.806.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(365.904.787.914)	(847.481.375.655)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	823.370.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	65.278.508.371	480.051.258.285
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(183.335.498.662)	(697.702.017.576)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.353.067.410)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(132.410.057.701)	605.719.640.709
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(456.270.605.402)	(155.609.153.428)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	610.572.592.544	416.449.029.291
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	154.301.987.142	260.839.875.863

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Công ty Cổ phần GTNFOODS (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần GTNFOODS được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

- * Địa chỉ: Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 90%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 90%

Công ty Cổ phần Tre Công nghiệp Mộc Châu

- * Địa chỉ: Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 96,37%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 96,37%

Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNFOODS

- * Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 100%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 100%

Tổng Công ty Chè Việt Nam -CTCP

- * Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 95 %
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 95%

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam -CTCP

- * Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 70,05 %
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 70,05%

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

3. Công ty liên kết được hợp nhất

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

- * Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 35%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 35%

Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

- * Địa chỉ: Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 35,04%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/09/2017: 35,04%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	7.014.122.928	2.266.361.426
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	110.937.864.214	154.306.231.118
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	36.350.000.000	454.000.000.000
Tổng cộng	<u>154.301.987.142</u>	<u>610.572.592.544</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn (*)	1.051.017.764.027	-	30.262.808.598	-
Dài hạn	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Tổng cộng	1.051.017.764.027	-	30.262.808.598	-

(*) Khoản tiền công ty gửi tiết kiệm tại các ngân hàng từ 3 tháng đến 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
(*) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	285.707.754.923	134.338.955.100	240.246.498.998	176.988.312.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	82.363.398.558	134.338.955.100	82.239.117.524	176.988.312.000
Công ty cổ phần chè Kim anh	-	-	-	-
Công ty chè Phú Đa	114.282.604.667	-	113.866.383.566	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	1.358.572.641	-	1.864.047.287	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	43.607.559.687	-	42.276.950.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	6.372.478.920	-	-	-
Công ty Cổ phần Gà Giống Châu Thành	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	6.246.509.697	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phong	7.037.546.557	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	1.202.609.751	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	2.816.292.931	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	655.178.167	-	-	-
Công ty CP Phát triển Giống gia súc Miền Trung	986.976.291	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	6.249.803.160	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	2.794.331.360	-	-	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ phát triển Đông á	9.733.892.536	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	257.146.698.951	-	(1.205.553.525)	288.918.085.791	81.197.121.600	-
Công ty Cổ phần sữa Đà Lạt	4.257.100.000	-	(1.205.553.525)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	4.685.428.501	-	-	-	-	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	-	-	95.000.000.000	-	-
Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP	-	-	-	65.084.128.991	81.197.121.600	-
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	-	-	177.000.000	-	-
Công ty cổ phần chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	-	364.672.800	-	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000	-	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	-	-	140.000.000	-	-
Vườn Quốc Gia Ba Vì	-	-	-	-	-	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nông Hải Sản Sài Gòn	4.098.734.693	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐTPT&XNK Gia cầm	2.616.885.131	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	45.210.000	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	52.284.000	-	-	52.284.000	-	-

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/09/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. Phải thu của khách hàng

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	134.126.109.962	183.568.019.045
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.932.176.006	4.932.176.006
Tổng cộng	<u>139.058.285.968</u>	<u>188.500.195.051</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.452.419.394	20.153.438.899
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	-	1.266.387.080.000
Tổng cộng	<u>15.452.419.394</u>	<u>1.286.540.518.899</u>

(*) Khoản trả trước cho người bán tại 01/01/2017 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua cổ phần của Tổng công ty chăn nuôi – Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016 và đã được chuyển thành khoản đầu tư công ty con trong kỳ.

4. Phải thu khác

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	534.401.490.935	452.465.813.804
Phải thu về cổ phần hoá	350.505.910.789	304.390.957.569
Phải thu về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	23.108.849.941	3.362.380.174
Tạm ứng	29.459.185.967	31.583.572.851
Ký cược, ký quỹ	12.648.390.850	20.872.055.927
Phải thu khác	118.679.153.388	92.256.847.283
Dài hạn	<u>95.000.000</u>	<u>30.030.000.000</u>
Phải thu dài hạn khác	95.000.000	30.030.000.000
Tổng cộng	<u>534.496.490.935</u>	<u>482.495.813.804</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

5. Hàng tồn kho

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.466.419.486	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	196.997.803.104	-	26.531.401.788	-
Công cụ, dụng cụ	8.259.276.896	-	2.787.850.581	-
Chi phí SX, KD dở dang	136.507.111.258	(4.579.219.529)	10.884.766.930	-
Thành phẩm	110.495.337.381	-	23.548.673.025	-
Hàng hóa	21.260.569.380	-	10.598.908.346	-
Hàng gửi bán	-	-	10.468.361	-
Tổng cộng	475.986.517.505	(4.579.219.529)	74.362.069.031	-

6. Chi phí trả trước

	30/09/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	7.203.399.497	831.165.497
Công cụ, dụng cụ phân bổ	773.685.769	600.602.063
Các khoản khác	6.429.713.728	230.563.434
Dài hạn	36.563.751.305	9.343.471.071
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	3.302.944.029	3.361.832.247
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	849.053.111	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	10.144.352.881	1.275.551.226
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	2.277.228.751
Tiền thuê đất	1.614.651.240	458.058.171
Chi phí tư vấn địa chính	-	782.591.667
Các khoản khác	20.652.750.044	1.188.209.009
Tổng cộng	425.641.028.095	392.643.687.465

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	217.752.177.161	163.164.992.375	20.227.996.205	1.362.122.586	16.065.190.694	418.572.479.021
Tăng trong kỳ	275.863.056.191	557.980.779.829	62.685.848.444	643.832.026	105.316.271.441	1.002.489.787.931
Giảm trong kỳ	522.903.826	13.121.258.401	3.281.525.962	-	10.171.927.283	27.097.615.472
Số cuối kỳ	493.092.329.526	708.024.513.803	79.632.318.687	2.005.954.612	111.209.534.852	1.393.964.651.480
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	118.301.049.336	59.649.405.677	10.761.844.338	1.043.547.898	12.733.708.983	202.489.556.232
Tăng trong kỳ	186.646.776.646	403.585.935.534	42.403.235.009	585.428.851	47.472.654.666	680.694.030.706
Khấu hao trong kỳ	23.136.319.146	44.812.870.689	7.189.712.020	115.484.097	11.433.912.085	86.688.298.037
Tăng do hợp nhất kinh doanh	163.510.457.500	358.773.064.845	35.213.522.989	469.944.754	36.038.742.581	594.005.732.669
Thanh lý, nhượng bán	305.027.232	13.292.533.230	2.900.822.578	-	5.180.513.398	21.678.896.438
Số cuối kỳ	304.642.798.750	449.942.807.981	50.264.256.769	1.628.976.749	55.025.850.251	861.504.690.500
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	99.451.127.825	103.515.586.698	9.466.151.867	318.574.688	3.331.481.711	216.082.922.789
Số cuối kỳ	188.449.530.776	258.081.705.822	29.368.061.918	376.977.863	56.183.684.601	532.459.960.980

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

8. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm	TSCĐ khác	Cộng	Trong kỳ		01/01/2017	
				Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Nguyên giá	623.472.300	591.996.826	1.215.469.126	69.664.543.032	77.337.223.681	86.585.498.662	78.912.818.013
Số đầu kỳ	359.000.000	-	359.000.000	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609
Tăng trong kỳ	-	-	-	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609
Giảm trong kỳ	-	-	-	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Số cuối kỳ	982.472.300	591.996.826	1.574.469.126	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Giá trị mòn lũy kế	327.457.617	466.334.109	793.791.726	69.664.543.032	77.337.223.681	86.585.498.662	78.912.818.013
Số đầu kỳ	130.883.275	20.823.273	151.706.548	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609
Tăng trong kỳ	130.883.275	20.823.273	151.706.548	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Tăng do hợp nhất	-	-	-	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Giảm trong kỳ	-	-	-	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Số cuối kỳ	458.340.892	487.157.382	945.498.274	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662	176.281.892.622
Giá trị còn lại	296.014.683	125.662.717	421.677.400	69.664.543.032	77.337.223.681	86.585.498.662	78.912.818.013
Số đầu kỳ	524.131.408	104.839.444	628.970.852	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609
Số cuối kỳ	524.131.408	104.839.444	628.970.852	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000	97.369.074.609

9. Vay và nợ thuê tài chính

9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn

Vay ngắn hạn	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	69.664.543.032	69.664.543.032	77.337.223.681	86.585.498.662
Vay dài hạn	3.369.074.609	3.369.074.609	2.750.000.000	96.750.000.000
Cộng	73.033.617.641	73.033.617.641	80.087.223.681	183.335.498.662

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

10. Phải trả người bán

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	156.401.857.418	80.923.239.518
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng cộng	<u>156.401.857.418</u>	<u>80.923.239.518</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	13.900.617.460	8.436.733.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.768.213.321	4.514.496.200
Thuế thu nhập cá nhân	287.841.613	666.407.110
Thuế tài nguyên	4.089.107	2.203.248
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	5.967.333.736	2.118.705.555
Các loại thuế khác	6.359.583	-
Các khoản phí, lệ phí và các phải nộp khác	-	1.519.403.900
Tổng cộng	<u>28.934.454.820</u>	<u>17.257.949.136</u>

12. Chi phí phải trả

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	<u>9.651.776.256</u>	<u>3.304.186.522</u>
Chi phí lãi vay	9.357.842.939	2.261.014.515
Các khoản khác	293.933.317	1.043.172.007
Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>9.651.776.256</u>	<u>3.304.186.522</u>

13. Phải trả khác

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	<u>422.261.188.095</u>	<u>392.592.687.465</u>
Kinh phí công đoàn	1.325.524.422	379.482.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	7.410.812.824	204.860.485
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác	360.090.137.728	360.090.137.728
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.434.713.121	31.918.206.379
Dài hạn	<u>3.379.840.000</u>	<u>51.000.000</u>
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	3.379.840.000	51.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND								
Số đầu kỳ trước	748.000.000.000	-	-	-	-	683.081.038	221.299.709	101.951.485.611	146.563.196.533	997.419.062.891
Tăng vốn trong kỳ trước	752.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	-	-	-	-	823.370.400.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	8.033.647.595	(285.981.033)	7.747.666.562
Tăng khác	-	-	-	-	-	514.494.741	26.373.840	-	-	540.868.581
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	(88.825.380.000)	(44.909.565.360)	(133.734.945.360)
Giảm do thoái vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(52.681.205.432)	(52.681.205.432)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.100.288.863)	-	(5.100.288.863)
Số dư cuối kỳ trước	1.500.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	1.197.575.779	247.673.549	16.059.464.343	48.686.444.708	1.637.561.558.379
Số dư đầu kỳ này	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(47.896.865.264)	1.197.575.779	247.673.549	28.263.859.284	47.216.384.006	2.775.200.090.090	2.775.200.090.090
Tăng do hợp nhất Vilico	-	-	-	-	-	-	-	-	679.434.308.357	679.434.308.357
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	20.622.458.851	113.580.967.920	134.203.426.771
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	10.995.614.493	18.266.976	-	-	11.013.881.468

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của	Thặng dư vốn cổ	Vốn khác của	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	Quỹ khác thuộc	Lợi nhuận chưa	Lợi ích cổ đông	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	2.205.214.771	-	-	-	12.949.950.368	83.507.741.626	98.662.906.765
Giảm do tăng sở hữu Vilico sau khi đã kiểm soát	-	-	-	-	-	-	14.330.881.801	44.318.641.721	58.649.523.522
Số dư cuối kỳ này	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(1.076.258.009)	(47.896.865.264)	12.193.190.272	265.940.525	21.605.485.966	712.405.276.936	3.442.539.276.400

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cổ phiếu	30/09/2017	01/01/2017
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Tổng doanh thu	880.995.070.619	133.938.569.395	2.964.719.222.208	1.348.904.578.597
Doanh thu bán hàng	880.751.195.653	133.938.569.395	2.956.870.790.498	1.348.904.578.597
Doanh thu cung cấp dịch vụ	243.874.966	-	7.848.431.710	-
Các khoản giảm trừ DT	335.593.707	47.507.790	6.137.726.352	49.754.065
Doanh thu thuần	880.659.476.912	133.891.061.6050	2.958.581.495.856	1.348.854.824.532

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng bán	750.257.877.010	110.999.135.993	2.578.711.837.121	1.290.267.163.854
Giá vốn của thành phẩm đã bán	965.593.700	-	-	-
Tổng cộng	751.223.470.710	110.999.135.993	2.578.711.837.121	1.290.267.163.854

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.297.114.349	3.719.520.108	51.544.227.170	5.636.919.513
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-	6.565.300.852	14.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.412.043.336	-	8.823.014.210	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.692.502	-	119.105.332	45.799.131
Lãi BH trả chậm, CK thanh toán	1.117.639.741	-	4.488.700.955	687.416.160
Doanh thu tài chính khác	-	1.501.888.982	15.941.819.909	-
Tổng cộng	21.828.489.928	5.221.409.090	87.482.168.428	20.370.134.804

4. Chi phí tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	212.961.525	8.616.404.769	3.176.387.948	14.629.095.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59.410.989	14.927.703	229.525.617	180.574.136
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(4.547.644.494)	-	3.167.585.824
Chi phí tài chính khác	742.499.231	6.743.868.939	752.639.293	2.728.294.223
Các khoản giảm chi phí tài chính	-	-	-	(3.563.141.379)
Tổng cộng	1.014.871.745	10.827.556.917	4.158.552.858	17.142.407.831

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	65.629.937.892	4.266.196.960	191.001.382.242	12.324.802.425
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	42.292.651.865	11.586.071.779	124.342.732.289	40.113.789.122
Tổng cộng	107.922.589.757	15.852.268.739	315.344.114.531	52.438.591.547

6. Thu nhập khác

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.354.254.257	-	4.354.254.257	125.693.200
Thanh lý, nhượng bán vật tư, thành phẩm	4.794.023.500	-	4.794.023.500	-
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	108.061.109	-	345.025.224	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	1.108.610.018	-	3.208.262.495
Các khoản khác	649.023.830	6.703.335	6.790.067.548	731.032.567
Tổng cộng	9.905.362.696	1.115.313.353	16.283.370.529	4.064.988.262

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

7. Chi phí khác

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại vật tư, TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán vật tư, TSCĐ	6.616.606.118	945.088.852	9.350.095.437	-
Các khoản bị phạt	222.216.112	-	453.374.546	782.937.493
Chi phí từ cho thuê tài sản	-	-	-	748.129.983
Các khoản khác	983.005.862	-	2.663.002.340	3.178.763.580
Cộng	7.821.828.092	945.088.852	12.466.472.323	4.709.831.056

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.559.928.932	111.785.878	15.770.977.364	3.621.784.891
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.559.928.932	111.785.878	15.770.977.364	3.621.784.891

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.331.255.171	2.411.990.855	20.622.458.851	7.768.976.193
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.331.255.171	2.411.990.855	20.622.458.851	7.768.976.193
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	250.000.000	150.000.000	250.000.000	143.389.011
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	16	82	54

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin các bên liên quan****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Thông tin các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Công ty con
Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung	Công ty con
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP	Công ty con
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Công ty con
CN Tổng công ty Chè Việt Nam-Công ty CP tại Sơn La	Chi nhánh của công ty con
Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty CP	Công ty con
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	Công ty con

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty hoạt động kinh doanh thương mại theo các khu vực địa lý khác nhau, và mỗi khu vực địa lý kinh doanh mỗi mặt hàng riêng biệt. Vì vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận**

	Đơn vị tính: VND					
	Nông Sản	Sản phẩm Nhựa	Sản phẩm Chè	Sản phẩm Chăn nuôi	Mặt hàng khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần từ bán hàng	399.632.902.656	328.749.660.486	63.312.925.876	2.093.558.345.008	73.327.661.830	2.958.581.495.856
Giá vốn của hàng hóa đã bán	(399.182.758.346)	(306.801.910.832)	(55.845.285.943)	(1.744.778.358.298)	(72.103.523.702)	(2.578.711.837.121)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	450.144.310	21.947.749.654	7.467.639.933	348.779.986.710	1.224.138.128	379.869.658.735
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(315.344.114.531)
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	87.482.168.428
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(4.158.552.858)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	16.283.370.529
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(12.466.472.323)
Phân lãi (lỗ) trong Cty liên kết	-	-	-	-	-	(507.312.388)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	-	-	-	-	151.158.745.592
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	16.955.318.821
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	134.203.426.771
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	29.256.546.091	20.664.050.907	32.632.415.184	33.242.970.875	47.586.672.996	134.126.109.962
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	4.152.835.022.692
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	4.286.961.132.654
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả bộ phận	19.030.917.012	28.528.915.662	7.806.564.298	117.279.210.598	2.787.166.860	156.401.857.418
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	683.520.398.836
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	839.922.256.254

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu